

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2019

V/v “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lớn

2. Bà Huỳnh Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HN ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* chị H A, sinh năm 1986; địa chỉ ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ *Bị đơn:* anh Trần Vũ L, sinh năm 1986; địa chỉ : Ấp 8, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H A trình bày:

Chị và anh Trần Vũ L cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 4/3/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian sống ly

thân, vợ chồng không có liên lạc với nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên không hàn gắn được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: trong thời gian chung sống với nhau giữa chị và anh L có 01 người con chung là Trần Gia P , sinh ngày 29/01/2013. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị H A và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 4/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống nên làm nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay nhưng không hàn gắn được, hiện chị H A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L biết việc chị H A xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con nhưng anh không tham gia hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị H A, từ đó thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H A yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng là có căn cứ theo điều 9,51,56,81,82 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H A và anh Trần Vũ L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, chị H A và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường gây gổ, cãi vã nhau làm cuộc sống vợ chồng không còn ấm êm hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2013 đến nay. Trong thời gian ly thân đến nay đã 6 năm nhưng 02 bên không có liên lạc với nhau nên dẫn đến tình cảm không còn, vì vậy chị H A nộp đơn ra tòa xin ly hôn với anh Trần Vũ L. Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị H A vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đồng thời, anh L cũng biết việc chị H A xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn. Qua biên bản lấy lời khai đối với ông Trần Văn H cha ruột của anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng anh L đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, ông cũng xác định vợ chồng L không có còn tình cảm nên không có hàn gắn, việc H A xin ly hôn thì L con ông đều biết nhưng do công việc ở xa nên không về tham gia giải quyết vụ án theo triệu tập của Tòa, vì vậy ông cũng thống nhất đề nghị Tòa giải quyết theo đơn yêu cầu của H A. Từ đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H A và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H A là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trần Gia P , sinh ngày 29/01/2013. Hiện con chung đang sống với chị H A, chị H A xin nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các điều 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị H A phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H A đối với anh Trần Vũ L.

2. Về con chung: Chị H A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Gia P , sinh ngày 29/01/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, đôi bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị H A phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000034 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H A đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H A biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Đức, huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường Xuân Bình
Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Văn Lâm****TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Ba Tri, ngày 3 tháng 8 năm 2018***BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 9 giờ..30 .phút, ngày 3 tháng 8 năm 2018

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 247/2018/TLST-HN ngày 15/5/2018 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Ngọc Trinh, sinh năm 1985; địa chỉ ấp Phú Thạnh, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Nhơn, sinh năm 1984; địa chỉ : khu phố 5, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN THỐNG NHẤT 3/3 NHƯ SAU**

Áp dụng các Điều 51, 56, 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc Trinh đối với anh Nguyễn Văn Nhơn.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc Trinh được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng Ty, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng Phát, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/6/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Ngọc Trinh không yêu cầu anh Nguyễn Văn Nhơn cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Nhơn được quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, đôi bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Ngọc Trinh phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016108 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Trinh đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Ngọc Trinh biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Văn Nhơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Sáng Hà Thị Dung

Đặng Mộng Tuyền

